TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HỊA Ỹ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Ẩn;

Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2023, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T và ông T1 yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Văn T1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 51 ngày 28/10/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại Ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, ông T1 không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Mặc dù, bà T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Đến tháng 4/2023 thì

mâu thuẫn trầm trọng, ông T1 có hành vi đe dọa, đòi đánh bà T, do sợ hãi nên bà T đã về nhà cha mẹ ruột ở xã P, huyện C sống cho đến nay. Từ khi ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay, bà T và ông T1 không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T xác định không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm. Ông T1 không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T, nhưng ông T1 có yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Văn T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Văn T1 xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T và ông T1 xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Hiện tại, bà T không còn tình cảm với ông T1, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4 năm 2023 đến nay và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông T1 đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia phiên tòa. Ông T1 không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc bà T có yêu cầu ly hôn, nhưng ông T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông T1 mâu thuẫn đã lâu. Trong khoảng thời gian này, ông bà không thể đoàn tụ được và ông bà không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông T1 không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T1 không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Lê Văn T1.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Văn T1.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010067, ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Tân Bửu
GCNKH số 51 ngày 28/10/2020;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Lâm